

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN**

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**

**Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)**

**1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần**

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm/Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Đỗ Thị Nguyệt	Thạc sĩ	0915808281	donguyet1969@gmail.com	Khoa LLCT - TLGD	Văn phòng khoa LLCT - TLGD
2	Lưu Thị Hương	Thạc sĩ	0916516372	huongcdsp@gmail.com	Khoa LLCT - TLGD	Văn phòng khoa LLCT - TLGD
3	Phạm Thị Hải	Thạc sĩ	0969749284	phamhai19212@gmail.com	Khoa LLCT - TLGD	Văn phòng khoa LLCT - TLGD

**2. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: **ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

- Mã học phần: CT.MN.ĐC.04

- Số tín chỉ: 03

- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/ VLVH/ Liên thông

- Các học phần tiên quyết: Học xong các môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lên lớp: 30

+ Thực hành: 30

+ Sinh viên tự học: 90

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Tổ Lý luận chính trị - Khoa Lý luận chính trị - Tâm lý giáo dục

### **3. Mục tiêu của học phần**

#### **3.1. Kiến thức:**

- Học phần cung cấp cho người học kiến thức về hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam, những kiến thức cơ bản, có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

#### **3.2. Kỹ năng:**

- Kỹ năng trong phân tích những vấn đề thực tiễn, chính trị - xã hội.  
- Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng.  
- Vận dụng được kiến thức để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

#### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- NL1: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; năng lực đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm. Chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân.

- NL2: Trách nhiệm công dân: Yêu nước, trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, tự chăm sóc tốt sức khỏe bản thân, tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng.

- NL3: Trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề; rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm; hỗ trợ đồng nghiệp nhằm tạo dựng phong cách nhà giáo.

### **4. Chuẩn đầu ra của học phần**

#### **4.1. Về kiến thức**

- KT1: Sinh viên có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của môn học, vai trò của các đường lối, chính sách mà Đảng đề ra (KTĐC1)  
- KT2: Sinh viên trình bày, phân tích được hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò của Nguyễn Ái Quốc với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (KTĐC1)  
- KT3: Sinh viên trình bày, phân tích đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực.(KTĐC1)

#### **4.2. Về kỹ năng**

Sinh viên được rèn luyện về cả kỹ năng cứng và kỹ năng mềm, cụ thể như sau:

#### 4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)

- KNC1: Thông qua xử lý các nhiệm vụ học tập môn học, đặc biệt phần kiến thức về đường lối xây dựng và phát triển văn hóa của Đảng hình thành cho sinh viên biết phân tích, đánh giá xử lý các vấn đề trong giao tiếp, ứng xử phù hợp với trẻ (KNC4)
- KNC2: Vận dụng các kiến thức chủ trương của Đảng đấu tranh vì độc lập tự do, vì hạnh phúc ấm no, vì sự phát triển toàn diện của nhân dân trên mọi mặt của đời sống xã hội để quan sát, đánh giá, phân tích sự phát triển của trẻ nhằm nâng cao trách nhiệm và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (KNC6)

#### 4.2.2. Về kỹ năng mềm (KCM)

- KNM1: Kỹ năng giao tiếp, hợp tác trong quá trình học tập học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết các nhiệm vụ học tập. (KNM1)
- KNM2: Có kỹ năng sử dụng tin học, khai thác một số phần mềm công nghệ trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ (KNM8)
- KNM3: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực của bản thân (KNM12)

#### 4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

- NL1: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; năng lực đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm. Chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân (NL1)

- NL2: Trách nhiệm công dân: Có niềm tin son sắt vào sự lãnh đạo của Đảng, lên án những tư tưởng, lực lượng phản động chống phá cách mạng, yêu nước, trung thành với Tổ quốc, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, vào công cuộc đổi mới của Đảng ta; Tích cực góp phần cống hiến của bản thân cho sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa (NL2)

- NL3: Trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề; rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm; hỗ trợ đồng nghiệp nhằm tạo dựng phong cách nhà giáo. (NL3)

#### 5. Ma trận liên kết nội dung chương/mục với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức			Kỹ năng					Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm		
					KNC		KNM					
		KT1	KT2	KT3	KNC1	KNC2	KNM1	KNM2	KNM3	NL1	NL2	NL3
Chương mở	I. Đối tượng nghiên cứu.	x			x		x	x	x	x	x	x





	chính trị thời kì đổi mới											
Chương VII: Đường lối xây dựng và phát triển văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội	I. Quá trình nhận thức và nội dung xây dựng, phát triển văn hóa.	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
	II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội.	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chương VIII: Đường lối đối ngoại	I. Đường lối đối ngoại trước đổi mới.	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
	II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kì đổi mới.	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x

## 6. Các yêu cầu của học phần

- Yêu cầu đối với sinh viên:

+ Dự lớp: Tham gia tích cực tối thiểu 80% tổng giờ trên lớp, tham dự đầy đủ các bài học tích hợp và có đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong CTCT học phần.

+ Bài tập: Hoàn thành đầy đủ bài tập được giao.

+ Dụng cụ học tập: Giáo trình, vở ghi, đồ dùng trực quan đối với các giờ thực hành, thảo luận

+ Đọc nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, làm bài tập, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị xemina và đọc, sưu tầm các tư liệu liên quan đến bài theo yêu cầu của giảng viên.

- Yêu cầu giảng viên: Có trình độ, có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của môn học.

## 7. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giờ sinh viên tự học
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận	
	<b>Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học</b>		<b>1</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
1	I. Đối tượng nghiên cứu. 1. Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Mối quan hệ giữa các môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam với các môn lí luận chính trị 3. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu.	Đàm thoại, thuyết trình, giảng giải minh họa, phát hiện và giải quyết vấn đề	0.5		
	II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học. 1. Phương pháp nghiên cứu 2. Ý nghĩa của việc học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam - Làm rõ khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Ý nghĩa của việc học tập bộ môn	Đàm thoại, thuyết trình, giảng giải minh họa, phát hiện và giải quyết vấn đề	0.5		
	<b>Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>10</b>

2	I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX 2. Hoàn cảnh trong nước a. Xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX	Nêu vấn đề, đàm thoại , thuyết trình, giảng giải	1		
3	c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản	Thuyết trình, đàm thoại	1		
4	II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. 1. Hội nghị thành lập Đảng 2. Cương lĩnh chính trị 3. Ý nghĩa lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh đầu tiên của Đảng	Nêu vấn đề, đàm thoại, giảng giải	1		
5	<b>THẢO LUẬN</b> • Nội dung thảo luận 1. Sự đúng đắn, sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
6	2. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
7	3. Ý nghĩa lịch sử, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
	<b>Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>10</b>



8	I. Chủ trương đấu tranh cách mạng giai đoạn 1930 – 1939. 1. Chủ trương đấu tranh cách mạng giai đoạn 1930 – 1935.	Giải quyết vấn đề, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại	1		
9	2. Chủ trương đấu tranh cách mạng giai đoạn 1936 – 1939	Giải quyết vấn đề, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại	1		
10	II. Chủ trương đấu tranh cách mạng giai đoạn 1939 – 1945. 1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng	Giải quyết vấn đề, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại	1		
11	2. Chủ trương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước và quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền toàn quốc	Giải quyết vấn đề, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại	1		
12 +13	THẢO LUẬN So sánh Luận cương chính trị tháng 10/1930 với Cương lĩnh ngày 3/2/1930	Thảo luận, gợi mở vấn đáp, seminar		2	
14 +15	Nội dung chuyên hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng qua các Hội nghị TW lần 6 (11/1939), lần 7 (11/1940) và lần 8 (5/1941).	Thảo luận, gợi mở vấn đáp, seminar		2	
	<b>Chương III. Đường lối kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược (1945-1975)</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>12</b>
16	I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945-1954). 1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946).	Gợi mở vấn đáp, thuyết trình, giảng giải minh họa, kiến tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề	1		

17	2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 – 1954). 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm .	Gợi mở vấn đáp, thuyết trình, giảng giải minh họa, kiến tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề	1		
18	II. Đường lối kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) 1. Giai đoạn 1954 – 1964.	Gợi mở vấn đáp, thuyết trình, giảng giải minh họa, kiến tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề	1		
19	2. Giai đoạn 1965 – 1975. 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm .	Gợi mở vấn đáp, thuyết trình, giảng giải minh họa, kiến tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề	1		
20	<b>THẢO LUẬN</b> Nội dung thảo luận Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ 1945-1954.	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
21	Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi, của kháng chiến chống Mĩ của Đảng ta 1954 – 1975.	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
22 + 23	Trách nhiệm của thanh niên Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ nền hoà bình của dân tộc	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		2	
	<b>Chương IV. Đường lối công nghiệp hóa</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>10</b>
24	I. Công nghiệp hóa thời kì trước đổi mới. 1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hóa.	Nêu vấn đề, thuyết trình, đàm thoại	1		

	2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân				
25	II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kì đổi mới. 1. Quá trình đổi mới tư duy công nghiệp hóa. a. Cơ sở của sự thay đổi b. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa từ Đại hội VI đến Đại hội XIII. 2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	Nêu vấn đề, thuyết trình, đàm thoại, seminar	1		
26	3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên – môi trường. 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	Nêu vấn đề, thuyết trình, đàm thoại, seminar	1		
27	3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên – môi trường. (Tiếp) 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	Nêu vấn đề, thuyết trình, đàm thoại, seminar	1		
28	THẢO LUẬN Nội dung thảo luận Một số quan niệm về công nghiệp hóa. Nội dung định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
29	Giá trị khoa học và thực tiễn của đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng thời kì đổi mới.	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
30	Trách nhiệm của sinh viên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	

31	Kiểm tra định kì	Kiểm tra, đánh giá		1	
	<b>Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>14</b>
32 + 33	I. Quá trình nhận thức mới về kinh tế thị trường 1. Một số vấn đề lí luận kinh tế thị trường 2. Cơ chế quản lí kinh tế Việt Nam trước đổi mới.	Gợi mở vấn đáp, thuyết trình, giảng giải minh họa, kiến tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề	2		
34	II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. 1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản. 2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	Gợi mở vấn đáp, thuyết trình, giảng giải minh họa, kiến tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề	1		
35	3. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. (Tiếp) 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	Gợi mở vấn đáp, thuyết trình, giảng giải minh họa, kiến tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề	1		
36	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở vấn đáp  Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
37	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	

38	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
39	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
	<b>Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị.</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>10</b>
40	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kì trước đổi mới ( 1945-1989). 1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng. 2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp	1		
41	II. Đường lối chính trị xây dựng hệ thống chính trị thời kì đổi mới 1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị. a. Cơ sở hình thành đường lối. b. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị.	Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp	1		
42	2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kì đổi mới. a. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị b. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp	1		

43	Thảo luận	Thảo luận, gọi mở vấn đáp		1	
44	Thảo luận	Thảo luận, gọi mở vấn đáp		1	
45	Kiểm tra	Kiểm tra, đánh giá		1	
	<b>Chương VII: Đường lối xây dựng và phát triển văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>12</b>
46	I. Quá trình nhận thức và nội dung xây dựng, phát triển văn hóa. 1. Thời kì trước đổi mới. a. Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hóa mới. b. Đánh giá sự thực hiện đường lối .	Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, seminar	1		
47	2. Trong thời kì đổi mới. a. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hóa ( từ đại hội VI đến đại hội XIII ). b. Quan điểm chỉ đạo và chủ trương về xây dựng và phát triển nền văn hóa. c. Đánh giá thực hiện đường lối.	Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, seminar	1		
48	II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội. 1. Cơ sở của đường lối giải quyết các vấn đề xã hội ở nước	Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp,	1		

	ta. 2. Thời kỳ trước đổi mới .	seminar			
49	3. Trong thời kỳ đổi mới.	Nêu vấn đề, thuyết trình, vấn đáp, seminar	1		
50	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
51	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
52	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
53	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở vấn đáp		1	
	<b>Chương VIII: Đường lối đối ngoại</b>		<b>3</b>	<b>4</b>	<b>10</b>
54	I. Đường lối đối ngoại trước đổi mới. 1. Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trước năm 1975 . 2. Đường lối đối ngoại 1975 – 1985.	Nêu vấn đề, đàm thoại, thuyết trình	1		
55	II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi	Gợi mở, vấn đáp,	1		

	mới. 1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối. a. Hoàn cảnh lịch sử. b. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối . 2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế. a. Mục tiêu, nhiệm vụ, tư tưởng chỉ đạo	giảng giải			
56	b. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế. 3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân .	Gợi mở, vấn đáp, giảng giải	1		
57	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở, vấn đáp		1	
58	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở, vấn đáp		1	
59	Thảo luận	Thảo luận, gợi mở, vấn đáp		1	
60	Kiểm tra định kì	Kiểm tra, đánh giá		1	

## 8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Tài liệu chính:

[1]. Lưu Thị Hương, Hoàng Minh Loan, Đỗ Thị Nguyệt, Nguyễn Thùy Dung (2014), Tài liệu học tập Một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên khối đại học, cao đẳng không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), xuất bản lần thứ 11, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật

[3]. Trần Văn Bính (2015), Văn hoá Việt Nam trên đường đổi mới, NXB Quân Đội nhân dân.

[4]. Đại học Quốc gia Hà Nội (2008), Một số chuyên đề về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Lí luận chính trị Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia.

[6]. Hội đồng Lí luận Trung ương (2021), Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật

[7]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII.



[8]. Nguyễn Đắc Hưng, Phùng Thế Đông (2018), Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, NXB Quân Đội nhân dân.

[9]. Trần Thị Vân Hoa (2018), Cách mạng công nghiệp 4.0 – vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### **9.1. Điểm trung bình kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:**

\*Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số từng điểm:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (Thời gian dưới 30 phút)

- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm

\* Thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6):

- **Hình thức thi: Vấn đáp**

### **9.2. Điều kiện dự thi**

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;

- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

**9.3. Thang điểm:** Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

*Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thương**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

(đã ký)

**Nguyễn Hữu Niên**

**PHỤ LỤC MA TRẬN LIÊN KẾT MÔ TẢ  
CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng
2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)
3. Mã ngành: 51140201
4. Loại hình đào tạo: Chính quy/VLVH

5. Thời gian đào tạo: 3 năm
- Học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Trưởng môn (Kí, ghi rõ họ và tên):.....

<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Chỉ báo</b>	<b>Được thể hiện và mô tả trong Học phần</b>
<b>1. Phẩm chất</b>	1.1.Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	x
		1.1.2	x
		1.1.3	x
		1.1.4	x
	1.2.Mến trẻ	1.2.1	x
		1.2.2	x
		1.2.3	x
	1.3.Yêu nghề	1.3.1	x
		1.3.2	x
		1.3.3	x
	1.4.Trung thực	1.4.1	x
		1.4.2	x
		1.4.3	x
	1.5.Trách nhiệm	1.5.1	x
		1.5.2	x
		1.5.3	x
		1.5.4	x
		1.5.5	x
	1.6.Tự học	1.6.1	x
		1.6.2	x
		1.6.3	x

<b>2. Năng lực chung</b>	2.1.Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	2.1.1	x
		2.1.2	x
		2.1.3	x
		2.1.4	x
		2.1.5	x
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.2.1	
		2.2.2	
		2.2.3	
		2.2.4	
		2.2.5	
		2.2.6	
		2.2.7	
	2.3.Năng lực lãnh đạo	2.3.1	x
		2.3.2	x
		2.3.3	x
	2.4.Năng lực giải quyết vấn đề	2.4.1	
		2.4.2	
		2.4.3	
		2.4.4	
		2.4.5	
		2.4.6	
	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	
		2.5.2	
		2.5.3	
	2.6.Năng lực phân biệt	2.6.1	x

		2.6.2	x
		2.6.3	x
<b>3. Năng lực sư phạm</b>	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	
		3.1.2	
		3.1.3	
		3.1.4	
		3.1.5	
		3.1.6	
		3.1.7	
		3.1.8	
		3.1.9	
	3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục	3.2.1	
		3.2.2	
		3.2.3	
		3.2.4	
		3.2.5	
		3.2.6	
		3.2.7	
	3.3. Năng lực định hướng	3.3.1	
		3.3.2	
		3.3.3	
	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	
		3.4.2	
3.4.3			
3.5 Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.1		
	3.5.2		
	3.5.3		
	3.5.4		
<b>4 Năng</b>	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	
		4.1.2	

<b>lực nghề nghiệp</b>		4.1.3	
		4.1.4	
	4.2. Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	
		4.2.2	
		4.2.3	
	4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	
		4.3.2	
		4.3.3	
		4.3.4	
		4.3.5	
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	
		4.4.2	
		4.4.3	
	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1	
		4.5.2	
4.5.3			
4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1		
	4.6.2		
	4.6.3		

